KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG THỰC TẬP LÂM SÀNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Ngô Thị Dung*, Nguyễn Thị Thanh Trúc, Bùi Thị Thanh Thảo, Lê Thị Thủy, Nguyễn Thị Thùy Trang, Nguyễn Bách Xuyên
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
** Email: ntdung@ctump.edu.vn*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: *Thực tập lâm sàng là một phần quan trọng trong các chương trình đào tạo điều dưỡng, trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết và kinh nghiệm thực tế mà không thể đạt được nếu chỉ học lý thuyết hoặc thực tập trên mô hình.* ***Mục tiêu nghiên cứu:*** *Khảo sát môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng đang học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.* ***Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:*** *Mô tả cắt ngang, lấy mẫu toàn bộ sinh viên điều dưỡng năm cuối, sử dụng bộ câu hỏi tự điền được dịch từ bộ công cụ khảo sát môi trường thực tập của Đại học Cork (Ireland), bộ câu hỏi được dịch bởi 5 chuyên gia và được điều chỉnh sau quá trình khảo sát thử trên 20 sinh viên, nghiên cứu khảo sát trên 10 học phần lâm sàng.* ***Kết quả:*** *Khảo sát 82 sinh viên năm cuối, đánh giá 4 tiêu chuẩn của bộ câu hỏi, tỷ lệ các tiêu chí đánh giá môi trường thực tập đạt ở mức cao (>80%). Còn 14,4% sinh viên phản hồi rằng không được làm quen với các quy trình xử trí cấp cứu thường gặp, 15% sinh viên cho rằng không có sẵn những tài liệu liên quan như sách/báo/tạp chí/tài liệu số/thư viện tại nơi thực tập, không có sự khác biệt về tỷ lệ đạt các tiêu chí giữa các học phần.* ***Kết luận:*** *Hầu hết các tiêu chí đánh giá về môi trường thực tập đều đạt với tỷ lệ cao, tuy nhiên cần giúp sinh viên tiếp cận với quy trình xử trí cấp cứu thường gặp và các tài liệu liên quan đến điều dưỡng tại nơi thực tập.*

Từ khóa: *môi trường thực tập, thực tập lâm sàng*

ABSTRACT

SURVEY OF CLINICAL PRACTICE ENVIRONMENT FOR NURSING STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Ngo Thi Dung*, Nguyen Thi Thanh Truc, Bui Thi Thanh Thao, Le Thi Thuy, Nguyen Thi Thuy Trang, Nguyen Bach Xuyen
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: *Clinical practice is an important part of nursing education, this process helps students obtain necessary skills and practical experience that cannot be changed by theory or working on mannequins.* ***Objectives:*** *To survey the clinical practice environment of nursing students learning at Can Tho University of Medicine and Pharmacy.* ***Materials and methods****: Descriptive cross-sectional design, total population sampling with all nursing students in the final year, using self-completed questionnaires translated from the questionnaire about clinical learning environment for nursing students accepted by University College Cork (Ireland). The questionnaire was validated by a trial survey on 20 students after the translation and adjustment, the study was conducted by*

surveying 10 modules of clinical practice. ***Results:*** *The participants included 82 students who were in the final year of nursing course and assessed four standards of the questionnaire, all items were assessed with high rate of fufilling (> 80%), 14.4% of students said that they were not familiarised with relevant emergency procedures, 15% of students said that relevant text books/journals/articles/IT resources/library are not available at the place of internship, there was no significant difference in the rate of fulfilling the criteria among the modules.* ***Conclusion:*** *all items were assessed with high rate of fufilling, however, it is necessary for students to access relevant emergency procedures and related nursing materials at the place of internship.*

Keywords: *practice environment, clinical practice*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hành lâm sàng là một phần thiết yếu trong đào tạo khối ngành sức khỏe giúp người học đạt được những năng lực thực hành và thái độ. Trong chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng - trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT), tổng số tín chỉ dành cho thực hành lâm sàng chiếm trên 50% tổng khối lượng phần giáo dục chuyên ngành [3]. Mối quan hệ của sinh viên với người người hướng dẫn và môi trường làm việc là chìa khóa để phát triển thành công năng lực lâm sàng [13]. Để đưa ra những đánh giá sơ lược về môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng, chúng tôi thực hiện nghiên cứu với Mục tiêu nghiên cứu:

(1) Khảo sát về việc hỗ trợ, giám sát và tạo cơ hội cho sinh viên thực tập.

(2) Đánh giá chất lượng thực hành điều dưỡng tại nơi thực tập.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sinh viên điều dưỡng chính quy năm cuối (khóa 43) đang học tại trường ĐHYDCT từ tháng 6/2020 đến tháng 5/2021.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, lấy mẫu toàn bộ.

2.3. Nội dung nghiên cứu:

Sử dụng bộ câu hỏi tự điền được xây dựng dựa trên bộ công cụ khảo sát về môi trường thực tập của Đại học Cork (Ireland). Bản dịch sau khi được tổng hợp với sự tham gia góp ý của 5 chuyên gia, được tiến hành khảo sát thử trên 20 sinh viên, được điều chỉnh cho phù hợp và đánh giá độ tin cậy (Cronbach's Alpha: 0,83) trước khi thực hiện khảo sát chính thức. Bộ câu hỏi gồm 4 tiêu chuẩn (không khảo sát tiêu chuẩn 4 vì tiêu chuẩn này dành cho điều dưỡng).

- Tiêu chuẩn 1: Gồm 13 câu hỏi khảo sát về việc hỗ trợ và tạo cơ hội cho sinh viên học tập, phát triển các kỹ năng, kiến thức và thái độ.
- Tiêu chuẩn 2: Gồm 10 câu hỏi khảo sát về việc hỗ trợ, giám sát và phát triển các kỹ năng, thái độ và kiến thức của sinh viên tại nơi thực tập.
- Tiêu chuẩn 3: Gồm 3 câu hỏi về mối quan hệ làm việc hiệu quả giữa trường và nơi thực tập.
- Tiêu chuẩn 5: Gồm 8 câu hỏi về chất lượng thực hành của nhân viên.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu khảo sát 82 sinh viên điều dưỡng năm cuối với 820 phiếu đánh giá

tương ứng với 10 học phần, chúng tôi thu được kết quả như sau:

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Một số đặc điểm của sinh viên điều dưỡng

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Giới	Nam	100	12,2
	Nữ	720	87,8
Thời gian thực tập với học phần hiện tại	2 tuần	328	40
	4 tuần	492	60
Học lực	Khá	715	87,2
	Trung bình	94	11,5
	Yếu	11	1,3

Sinh viên nữ chiếm đa số (87,8%). 60% có thời gian thực tập với học phần hiện tại là 4 tuần. Đa số sinh viên có học lực khá (87,2%), không có sinh viên xếp loại học lực giỏi.

3.2. Môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng

Bảng 2. Tiêu chuẩn 1- Nơi thực tập hỗ trợ và tạo cơ hội cho sinh viên học tập, phát triển các kỹ năng, kiến thức và thái độ

Stt	Nội dung	Có		Không	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
1.1	Điều dưỡng tạo điều kiện và hỗ trợ việc học tập của sinh viên	805	98,2	15	1.8
1.2	Tôi được làm quen với nơi thực tập trong tuần thực tập đầu tiên	790	96,3	30	3.7
1.3	Tôi được làm quen với các quy trình xử trí cấp cứu thường gặp tại khoa	702	85,6	118	14.4
1.4	Tôi được tiếp cận các văn bản thông tin về nơi thực tập, nguyên tắc chăm sóc và chức năng nhiệm vụ của nơi thực tập	782	95,4	38	4.6
1.5	Những thông tin liên quan đến chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng có sẵn tại nơi thực hành	705	86	115	14
1.6	Tôi được quyền tiếp cận và tuân thủ các tài liệu tại nơi thực tập như: quy tắc kỷ luật, hướng dẫn thực hành.	788	96,1	32	3.9
1.7	Có các quy định để giải quyết các khiếu nại/phản ánh của sinh viên	735	89,6	85	10.4
1.8	Các điều dưỡng phối hợp hiệu quả trong nhóm chuyên môn, mang lại bầu không khí làm việc thân thiện và hỗ trợ nhau mà tôi có thể học hỏi	778	94,9	42	5.1
1.9	Tôi được chào đón khi đến thực tập và được khuyến khích đặt câu hỏi để góp phần vào việc chăm sóc bệnh nhân	793	96,7	27	3.3
1.10	Các thành viên trong nhóm chuyên môn tại nơi thực tập đều góp phần vào quá trình học tập của tôi	792	96,6	28	3.4
1.11	Có sẵn những tài liệu như sách/báo/tạp chí/tài liệu số/thư viện	697	85	123	15

Stt	Nội dung	Có		Không	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
1.12	Có khu vực học tập dành cho sinh viên tại nơi thực hành	746	91	74	9
1.13	Các trao đổi với người hướng dẫn được thực hiện tại khu vực yên tĩnh, riêng tư	755	92,1	65	7.9

Đa số các nội dung đánh giá tiêu chuẩn 1 có tỷ lệ đạt trên 85%. Còn 15% phản hồi rằng nơi thực tập không có sẵn những tài liệu như sách/báo/tạp chí/tài liệu số/thư viện và 14,4% sinh viên không được làm quen với các quy trình xử trí cấp cứu tại Khoa.

Bảng 3. Tiêu chuẩn 2 - Quá trình học tập có hỗ trợ, giám sát và phát triển các kỹ năng, thái độ và kiến thức của sinh viên

Stt	Nội dung	Có		Không	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
2.1	Tôi có thầy/cô/người hướng dẫn phụ trách điều phối và giám sát việc học của tôi	806	98,3	14	1.7
2.2	Thầy/cô/người hướng dẫn và tôi đã thống nhất về kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu học tập	803	97,9	17	2,1
2.3	Tôi có cơ hội làm việc cùng với thầy/cô/người hướng dẫn	787	96,0	33	4,0
2.4	Tôi nhận được phản hồi bằng văn bản từ thầy/cô/người hướng dẫn của tôi	754	92,0	66	8,0
2.5	Các điều dưỡng sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để giúp tôi đạt được mục tiêu học tập	769	93,8	51	6,2
2.6	Sinh viên được đảm bảo có thời gian dành cho hoạt động phản biện (về bài học, tình huống lâm sàng)	787	96	33	4,0
2.7	Tôi được tạo điều kiện thực hành phản biện trong qua trình thực tập	794	96,8	26	3,2
2.8	Thầy/cô/người hướng dẫn và tôi đánh giá cơ hội thực tập lâm sàng của tôi trong suốt quá trình thực tập	799	97,4	21	2,6
2.9	Người phụ trách quản lý thực tập lâm sàng hỗ trợ tôi trong quá trình thực tập	805	98,2	15	1,8
2.10	Nơi thực tập có thông tin liên hệ của giảng viên và người hướng dẫn.	803	97,9	17	2,1

Đa số sinh viên cho rằng họ được hỗ trợ, giám sát và tạo điều kiện để phát triển các kĩ năng, thái độ và kiến thức. 8% sinh viên phản hồi rằng không nhận được phản hồi bằng văn bản từ thầy/cô/người hướng dẫn.

Bảng 4. Tiêu chuẩn 3 - Bằng chứng về mối quan hệ làm việc hiệu quả giữa trường và nơi thực tập

Stt	Nội dung	Có		Không	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
3.1	Tôi được thông báo về nơi thực hành trước khi bắt đầu thực tập ít nhất 2 tuần	810	98,9	10	1,2
3.2	Nơi thực tập được thông báo về việc thực tập của tôi	812	99,0	8	1,0
3.3	Giảng viên phụ trách liên hệ với tôi trong quá trình thực tập và duy trì liên hệ qua gặp trực tiếp/kiểm	786	95,9	34	4,1

Stt	Nội dung	Có		Không	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
	tra/điện thoại hoặc email				

Các tiêu chí ở tiêu chuẩn 3 được đánh giá ở mức cao. Tuy nhiên, còn 4.1% sinh viên không được giảng viên phụ trách liên hệ trong quá trình thực tập.

Bảng 5. Tiêu chuẩn 5 - Bằng chứng về thực hành điều dưỡng/hộ sinh chất lượng cao

Stt	Nội dung	Có		Không	
		Tần số	Tỷ lệ (%)	Tần số	Tỷ lệ (%)
5.1	Dịch vụ chăm sóc điều dưỡng thể hiện triết lý chăm sóc bằng văn bản hoặc mô tả sứ mệnh của chăm sóc điều dưỡng tại nơi thực tập	786	95,9	34	4,1
5.2	Có bằng chứng về việc chăm sóc toàn diện trong thực hành điều dưỡng.	803	97,9	17	2,1
5.3	Có các quy định, thủ tục và hướng dẫn thực hành dựa trên bằng chứng đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và cơ quan chuyên môn và có thể tiếp cận được	801	97,7	19	2,3
5.4	Các chính sách, thủ tục và hướng dẫn được sử dụng để hỗ trợ và hướng dẫn thực hành điều dưỡng	789	96,2	31	3,8
5.5	Thực hành điều dưỡng thể hiện sự tôn trọng các quyền của người bệnh.	808	98,5	12	1,5
5.6	Thực hành điều dưỡng thể hiện sự tôn trọng và ủng hộ văn hóa, tín ngưỡng.	774	94,4	46	5,6
5.7	Hệ thống phân bổ điều dưỡng thúc đẩy quá trình chăm sóc liên tục	799	97,4	21	2,6
5.8	Có bằng chứng về quản lý rủi ro lâm sàng (chăm sóc người bệnh trực tiếp), và phi lâm sàng (môi trường)	803	97,9	17	2,1

Đa số sinh viên đồng ý rằng tại nơi thực tập có bằng chứng về thực hành điều dưỡng/ hộ sinh chất lượng cao.

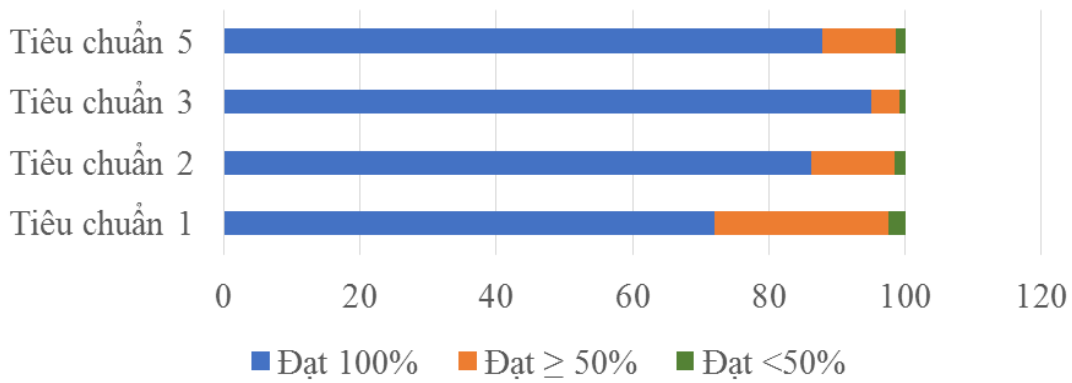

Biểu đồ 1: Xếp loại đánh giá các tiêu chuẩn về môi trường thực tập cho sinh viên điều dưỡng.

Tiêu chuẩn 1 được đánh giá ở mức "đạt 100%" thấp hơn so với các tiêu chuẩn còn lại (72.1%). Tỷ lệ đạt dưới 50% cũng chiếm tỷ lệ cao nhất ở tiêu chuẩn 1 (2,6%).

Bảng 6. Xếp loại đánh giá theo mã học phần

Mã học phần	Đạt 100% tiêu chí (mức 1)	Đạt ≥ 50% tiêu chí (mức 2)	Đạt < 50% tiêu chí (mức 3)	P (Chi bình phương)
Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa I	59,8%	40,2%	0,0%	0,93
Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa II	69,5%	28,0%	2,4%	
Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa III	64,6%	34,1%	1,2%	
Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	70,7%	28,0%	1,2%	
Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	68,3%	30,5%	1,2%	
Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa I	65,9%	32,9%	1,2%	
Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa II	68,3%	30,5%	1,2%	
Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa III	69,5%	30,5%	0,0%	
Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng I	67,1%	30,5%	2,4%	
Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và chăm sóc điều dưỡng II	74,4%	24,4%	1,2%	

Các học phần đều đạt ở mức 1 với tỷ lệ cao từ 59,8% trở lên. Không có sự khác biệt về đánh giá môi trường thực tập giữa các các học phần.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu

Tỷ lệ sinh viên nữ trong nghiên cứu chiếm đa số (87,8%). Sự chênh lệch này không có sự khác biệt đáng kể so với các tác giả khác như Mai Thị Yến (86%) và Trần Thị Huyền (84,1%) [6], [2]. Sự chênh lệch về giới là đặc điểm chung của ngành điều dưỡng**.** Có 40% học phần có thời gian thực tập 2 tuần, 60% là 4 tuần. Tỷ lệ sinh viên có điểm tích lũy trung bình đạt loại khá chiếm đa số (87,2%), tỷ lệ này cũng phù hợp với tỷ lệ sinh viên điều dưỡng tốt nghiệp loại khá trong 5 năm gần đây [4]. Thống kê của Lâm Văn Đồng tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định cũng cho tỷ lệ tương tự (82,9%) [1].

4.2. Môi trường thực tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng

Kết quả đánh giá theo từng tiêu chí đều cho thấy sinh viên đánh giá khá cao về môi trường thực tập lâm sàng. Một số tác giả đánh giá môi trường thực tập tốt như M. Saarikoski (3,47 – 3,78/5 điểm), E. Papastavrou (4,1/5 điểm) [14], [12]. Nghiên cứu của Hồ Thị Lan Vi tại cũng ghi nhận sinh viên điều dưỡng đánh cao về mức độ hài lòng với môi trường thực tập (3.85/5 điểm) [5]. Nghiên cứu của A.Hakim tại Iran lại ghi nhận tới 47,2% sinh viên đánh giá mức độ hài lòng thấp về môi trường thực tập [7]. Hiện nay, các trường đào tạo điều dưỡng đều hiểu rõ được tầm quan trọng của việc học tập lâm sàng tại bệnh viện của sinh viên nên đã quan tâm hơn về môi trường thực tập lâm sàng.

Đa số sinh viên phản hồi rằng được tạo điều kiện và hỗ trợ từ điều dưỡng và hộ sinh tại khoa trong quá trình thực tập (98,2%). Tuy nhiên, còn 14,4% sinh viên không được làm quen với các quy trình xử trí cấp cứu thường gặp tại khoa, 10,4% sinh viên phản hồi rằng không có các quy định để giải quyết các khiếu nại/phản ánh của sinh viên. Một số tác giả cũng cho thấy điều dưỡng trong thực tế đã sẵn sàng đối với việc giảng dạy lâm sàng cho sinh viên, tuy nhiên cũng chỉ ra những thách thức đối với các nhà đào tạo điều dưỡng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho việc học tập lâm sàng và thu hẹp khoảng cách lý thuyết

– thực hành [8], [9].

Tỷ lệ sinh viên cho rằng quá trình học tập của họ nhận được sự hỗ trợ, giám sát và phát triển các kỹ năng, thái độ, kiến thức là khá cao. Nghiên cứu của Hồ Thị Lan Vi cũng ghi nhận yếu tố mà sinh viên thấy hài lòng nhất khi đi thực hành lâm sàng là "giáo viên hướng dẫn có một thái độ tích cực khi hướng dẫn cho sinh viên", yếu tố thứ hai là "sự tôn trọng và chấp thuận lẫn nhau chiếm ưu thế trong mối quan hệ giữa sinh viên và giáo viên hướng dẫn". Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội làm việc cùng và nhận được sự phản hồi từ thầy/cô/người hướng dẫn và được đánh giá các cơ hội thực tập lâm sàng trong suốt quá trình thực tập [5]. J.M. Kyrkjebo và I. Hage cho rằng cần phát triển các mô hình học tập khuyến khích sự phản ánh, cởi mở và xem xét kỹ lưỡng các giá trị và giả định cơ bản của cá nhân và tổ chức trong chăm sóc sức khỏe [10]. N.M. Reljić cũng đồng quan điểm khi cho rằng sự tự phản ánh giúp sinh viên bộc lộ cảm xúc và tình cảm để hồi tưởng và xác định vấn đề, đồng thời hiểu rõ bản thân hơn [11].

Kết quả ở bảng 4 cho thấy trường đã làm việc rất hiệu quả với nơi thực tập. Nghiên cứu của Hồ Thị Lan Vi ghi nhận đa số sinh viên có liên lạc với giáo viên/người hướng dẫn thông qua internet trong suốt quá trình thực tập lâm sàng [5]. Môi trường lâm sàng có tính hỗ trợ khi có mối quan hệ tốt giữa người hướng dẫn và nơi thực tập [9].

Không có sự khác biệt về đánh giá các tiêu chuẩn liên quan đến môi trường thực tập giữa các học phần được khảo sát. Đa số các học phần đều được đánh giá khá cao về môi trường thực tập. Lý do của sự tương đồng này có thể do số lượng sinh viên điều dưỡng của trường ĐHYDCT không đông nên đều được phân bố thực hành tại các bệnh viện trong nội ô thành phố Cần Thơ với mô hình tổ chức và văn hóa làm việc khá tương đồng.

V. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 82 sinh viên điều dưỡng khóa 43 tại trường Đại Học Y Dược Cần Thơ thực hiện trên 10 học phần thực tập lâm sàng, chúng tôi ghi nhận: hầu hết các tiêu chí đánh giá về môi trường thực tập đều đạt ở mức cao. Tuy nhiên, còn 14,4% sinh viên phản ánh rằng không được làm quen với các quy trình xử trí cấp cứu thường gặp, 15% sinh viên cho rằng những tài liệu như sách/báo/tạp chí/tài liệu số/thư viện là không có sẵn tại nơi thực tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Văn Đồng (2016), *Khảo sát thực trạng sinh viên đại học chính quy khóa 3, 4, 5 có việc làm sau khi tốt nghiệp trường đại học điều dưỡng Nam Định*, Đại học Điều dưỡng Nam Định.
2. Trần Thị Huyền (2020). Những thách thức mà sinh viên điều dưỡng gặp phải tại môi trường thực tập lâm sàng tại đại học quốc tế Hồng Bàng năm 2019. *Khoa học Điều dưỡng*, 3 (1), 12-18.
3. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (2019), Chương trình đào tạo chi tiết đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành điều dưỡng (lưu hành nội bộ).
4. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (2020), *Báo cáo tự Đánh giá Chương trình Đào tạo ngành Điều dưỡng giai đoạn 2015-2020*.
5. Hồ Thị Lan Vi (2020). Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Duy Tân*, 4(41), 128-136.
6. Mai Thị Yến (2018). Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng sau học thực hành mô phỏng tại trung tâm tiền lâm sàng trường đại học điều dưỡng Nam Định, năm 2017. *Khoa học Điều dưỡng*, 1 (1), 94-101.

7. Ashrafalsadat Hakim (2014). Nursing students' satisfaction about their field of study. *Journal of advances in medical education & professionalism*, *2*(2), 82.
8. Drasiku Amos, Gross L Janet, Jones Casey & Nyoni N Champion (2021). Clinical teaching of undergraduate nursing students: Are the nurses in practice in Uganda ready?. *BMC nursing, 20(1), 4*.
9. Manar Nabolsi, Arwa Zumot, Lina Wardam, FaAthieh Abu-Moghli (2012). The experience of Jordanian nursing students in their clinical practice. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, *46*, 5849-5857.
10. Mikkelsen Kyrkjebø Jane & Hage Ingrid (2005). What we know and what they do: nursing students' experiences of improvement knowledge in clinical practice. *Nurse Education Today*, *25*(3), 167-175.
11. Nataša Mlinar Reljić, Majda Pajnkihar & Zvonka Fekonja (2019). Self-reflection during first clinical practice: The experiences of nursing students". *Nurse education today, 72*, 61-66.
12. Papastavrou Evridiki, Maria Dimitriadou, Haritini Tsangari & Christos Andreou (2016). Nursing students' satisfaction of the clinical learning environment: a research study. *BMC nursing*, 15(1), 44.
13. Registered Nurses' Association of Ontario (2016), *Practice Education in Nursing*, Toronto, ON: Registered.
14. Saarikoskia Mikko & Leino-Kilpi Helena (2002). The clinical learning environment and supervision by staff nurses: developing the instrument. *International journal of nursing studies*, 39(3), 259-267.

(Ngày nhận bài: 24/6/2021 – Ngày duyệt đăng: 05/7/2021)